

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 84/2024/ HS – ST
Ngày: 29 – 10 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thân

Bà Đào Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Bằng Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 79/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Hữu N**, sinh ngày 22/6/2002, tại: huyện Đại T, tỉnh T ; Nơi thường trú: Xóm 5, xã T, huyện Đại T, tỉnh T; Nơi tạm trú: Tổ dân phố L, phường B, thành phố S, tỉnh T; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá (học vấn): lớp 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N. Con bà Triệu Thị L và ông Trần Hữu T; Vợ: Lương Thị Q, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 05/8/2024 đến ngày 20/8/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và bảo lãnh, hiện đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

- Bị hại: Công ty

Người đại diện: Anh H, sinh năm 1992; Trú tại: Tổ 1, thị trấn C, huyện M thành phố H; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người làm chứng:

+ Anh Bùi Văn S, sinh năm 1992; Trú tại: Xóm T, xã T, thành phố S, tỉnh

Thái Nguyên;

+ Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1992; Trú tại: Tổ K, phường B, thành phố S, tỉnh T;

+ Bà Trần Thị T, sinh năm 1969; Trú tại: Tổ 2, phường Châu S, thành phố S, tỉnh T;

+ Anh Đào Đình K, sinh năm 1981; Trú tại: Tổ C, phường B, thành phố S, tỉnh T;

+ Anh Phạm Hoàng S, sinh năm 1989; Trú tại: Tổ K, phường C, thành phố S, tỉnh T.

(Vắng mặt những người làm chứng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Hữu N là công nhân tại công ty TNHH Srtech, có địa chỉ tại tổ dân phố Tân Dương, phường B, thành phố Sông Công. Khoảng 08 giờ 15 phút ngày 28/5/2024, N đang làm việc tại khu vực kho khay nhựa Shipman, xưởng Sub thì phát hiện thấy một khay nhựa lót xốp nhưng miếng xốp bị kênh lên bất thường, N lật tấm xốp lên để kiểm tra thì thấy có 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy S24+, màu đen nên nảy sinh ý định muốn chiếm đoạt chiếc điện thoại. Quan sát xung quanh không có ai, N lấy chiếc điện thoại khỏi khay nhựa, đút vào túi quần bên phải, phía trước, đi ra khu vực vệ sinh của phòng nghỉ để kiểm tra điện thoại. Điện thoại có sáng đèn nhưng hiện trạng thái chưa được kích hoạt. N đoán chiếc điện thoại trên không phải là tài sản của Công ty Srtech mà do công ty Samsung giao nhầm theo các khay nhựa vì khi đó công ty không sản xuất ra điện thoại thành phẩm hoàn chỉnh như này. N cất điện thoại vào túi quần rồi đi vào trong kho shipman. Tại đây N lấy một hộp giấy màu trắng có kích thước khoảng 20x5x1,5 cm, cho chiếc điện thoại vừa lấy được vào hộp, rồi cất vào một hộp nhựa màu xanh ở cuối dây chuyền số 7, đợi tìm cách để mang điện thoại ra ngoài.

Khoảng 10 giờ cùng ngày, N gặp anh Bùi Văn S, sinh năm 1992, trú tại xóm Tân Tiến, xã Tân Quang, thành phố Sông Công. N hỏi S *“nếu mà cầm điện thoại vào thì bây giờ có cầm ra được không”*. S hỏi *“điện thoại của ai”*, N trả lời *“điện thoại của em”*. S nói *“giờ đang trong thời gian bảo mật không cầm ra được, thôi cứ cất đi lúc nào tao cầm ra cho”*. Đến 13 giờ chiều cùng ngày, N dẫn S ra vị trí đã cất giấu chiếc điện thoại, lấy chiếc điện thoại để trong hộp nhựa màu xanh rồi đưa cho S. S cầm điện thoại của N qua cửa từ của Công ty thì bị bảo vệ kiểm tra phát hiện, thu giữ điện thoại và yêu cầu xuất trình giấy tờ để chứng minh nguồn gốc tài sản. Đến khoảng 14 giờ, S vào công ty và hỏi N *“có*

đúng điện thoại của mày không”, “có giấy tờ gì không”. N trả lời “*đúng*”, N nói dối đây là chiếc điện thoại của N do mua của một người qua mạng xã hội nên không có giấy tờ. S tin tưởng, đồng ý giúp N, N không hứa hẹn hay cho S bất kỳ lợi ích vật chất gì khi giúp N.

Khi biết điện thoại bị công ty tạm giữ, N nhắn tin, gọi điện cho S nhờ làm giả hoá đơn mua bán, giấy bảo hành để lấy điện thoại ra và sẽ trả công bằng tiền cho người viết hoá đơn. S liên hệ với Đào Đình K (sinh năm 1981, trú tại tổ dân phố Cầu Gáo, phường B, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên - là chủ cửa hàng điện thoại) để làm giả hoá đơn và giấy bảo hành nhưng chỉ làm được hoá đơn bán lẻ và không có giá trị sử dụng. Đến ngày 29/5/2024, N thừa nhận với S chiếc điện thoại di động là do bản thân trộm cắp trong quá trình làm việc tại công ty và đến công ty khai nhận hành vi của mình. Ngày 01/6/2024 đại diện Công ty Srtech trình báo sự việc đến Công an phường B và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S24+, màu đen, số Imei 350822571602906.

Ngày 01/6/2024 N đến Công an phường B khai nhận hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đen, đã qua sử dụng. Anh Bùi Văn S tự nguyện giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, đã qua sử dụng, đây là chiếc điện thoại S sử dụng để liên lạc với Trần Hữu N, để giúp N mua hoá đơn hợp thức hoá chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung bị Công ty thu giữ vào ngày 28/5/2024. Đào Đình K giao nộp cho Công an 01 đĩa CD bên trong chứa 19 file Audio và 01 tờ giấy A4 có chứa nội dung chụp lại màn hình điện thoại của Đào Đình K. K trình bày đĩa CD và các tài liệu trên là nội dung tin nhắn trên ứng dụng Zalo giữa K và Bùi Văn S có liên quan đến việc S nhờ K làm giả hoá đơn mua bán và bảo hành cho chiếc điện thoại trong vụ trộm cắp tài sản ngày 28/5/2024.

Kết quả kiểm tra hệ thống camera tại khu vực Kho Tray, Khu B, khu vực cửa từ thuộc xưởng sub Công ty TNHH Srtech có vùng ghi hình sự việc xảy ra, xác định có hình ảnh Trần Hữu N có hành vi trộm cắp điện thoại phù hợp với nội dung vụ án. Kết thúc kiểm tra, dữ liệu Camera sau được đưa vào bì niêm phong ký hiệu (E).

Quá trình điều tra xác định nguồn gốc chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy S24+, màu đen, chưa qua sử dụng là tài sản hợp pháp của công ty TNHH Samsung Electronic Việt N – Thái Nguyên giao nhằm cho công ty TNHH Srtech. Ông H - đại diện công ty có đơn đề nghị được trả lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Ngày 20/6/2024, CQĐT Công an thành phố Sông Công ra yêu cầu Hội đồng định giá tài sản thành phố Sông Công định giá đối với chiếc điện thoại là vật chứng của vụ việc. Tại bản kết luận định giá tài sản số 36 ngày 21/6/2024

của Hội đồng định giá tài sản thành phố Sông Công kết luận: *01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S24+, số IMEI: 350822571602906, màu đen, chưa kích hoạt sử dụng tại thời điểm ngày 28/5/2024 có giá trị **14.228.000 đồng**.*

Vật chứng của vụ án gồm: 01 bì niêm phong ký hiệu N bên trong chứa 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đen, đã qua sử dụng, được chuyển bảo quản theo đúng quy trình về quản lý vật chứng.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S24+, màu đen, dung lượng 245Gb, tình trạng: chưa kích hoạt, chưa qua sử dụng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty TNHH Samsung Electronics Việt N – Thái Nguyên là chủ sở hữu, quản lý, sử dụng.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng, dung lượng 32Gb, đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Bùi Văn S là chủ sở hữu, quản lý, sử dụng.

-01 bì niêm phong ký hiệu E, bên trong chứa 01 đĩa CD lưu dữ liệu Camera an ninh tại công ty TNHH Srtech và 01 bì niêm phong ký hiệu D bên trong có 01 đĩa CD lưu 19 File ghi âm của Đào Đình K được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH Samsung Electronics Việt N – Thái Nguyên là chủ sở hữu đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy S24+ đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu bồi thường đối với Trần Hữu N.

Quá trình điều tra và tại phiên toà Trần Hữu N đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với đơn trình báo, lời khai của người đại diện bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại cáo trạng số 81/CT - VKS ngày 11/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Trần Hữu N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo N về tội danh và điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Hữu N phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo N từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định; Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có đề nghị gì nên không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Tịch thu Sung quỹ Nhà nước 01 bì niêm phong ký hiệu N bên trong chứa 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đen, đã qua sử dụng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng, đến nay đã nhận thức được lỗi làm của mình, vô cùng ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án thấp nhất và xin được hưởng án treo để được cải tại địa phương có điều kiện để phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại giai đoạn điều tra và phiên tòa, bị cáo Trần Hữu N đã khai nhận toàn bộ hành vi, diễn biến nội dung sự việc đúng như nội dung kết luận điều tra và cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản,... và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 08 giờ 15 phút ngày 28/5/2024, tại khu vực xưởng Sub của Công ty TNHH Srtech có địa chỉ tại tổ dân phố Tân Dương, phường B, thành phố Sông Công, Trần Hữu N đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S24+, màu đen là tài sản của Công ty TNHH Samsung Electronics Việt N – Thái Nguyên, có giá trị là **14.228.000 đồng** (mười bốn triệu hai trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Hữu N đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*". Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nội dung điều luật quy định:

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

[3] Đánh giá về tính chất hành vi phạm tội; vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

3.1. Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, trị an tại địa phương.

3.2. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo N có đủ khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình. Thời điểm phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người trưởng thành có đầy đủ năng lực nhận thức nhưng đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Tuy nhiên, đánh giá tính chất hành vi của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thời điểm phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, trước khi phạm tội, trong quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo đã chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, được địa phương xác nhận. Tại phiên tòa bị cáo đã vô cùng ăn năn hối cải, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú ổn định. Căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2022/NQ - HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ -HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt tù, cho hưởng án treo, cho bị cáo cải tạo dưới sự quản lý của chính quyền địa phương cũng đủ để giáo dục đối với bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hội đồng xét xử sẽ xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, để xét xử mức án cho phù hợp. Xét mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hiện bị cáo không có công ăn việc làm, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản, nay không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng và đồ vật liên quan trong vụ án: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu đen, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo là phương tiện bị cáo sử dụng để phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện bị hại, được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[10] Các vấn đề khác: Đối với Bùi Văn S là người giúp Trần Hữu N đem điện thoại ra ngoài công ty, giúp N làm giả giấy tờ mua bán đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy S24+ mà N chiếm đoạt được. Tuy nhiên S không được hưởng lợi gì, cũng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với Đào Đình K là người giúp Bùi Văn S làm giả hóa đơn bán lẻ đối với chiếc điện thoại Samsung Galaxy S24+, nhưng K không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, không được hưởng lợi từ việc làm của mình nên không có căn cứ xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ:** Các Điều 106, 136, 299, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Hữu N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Trần Hữu N **12** (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **24** (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Hữu N cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đại T, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo N có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 bì niêm phong ký hiệu N, bên trong có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/10/2024 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công).

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Hữu N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt đại diện của bị hại là anh T, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Sông Công;
- Công an TP. Sông Công;
- Bị cáo, Bị hại;
- UBND xã T, H. Đại T;
(kèm TB Kq XX);
- THA h.sự, d.sự;
- Lưu: H.sơ, H.sự, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thuỳ Dung

